

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22/7/2019

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trọng Tảo
2. Ông Vũ Xuân Trúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Ngày 22 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2019/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị T - Sinh năm 1991.

Địa chỉ: Xóm 30, Khang Giang, Y Đ, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình K - Sinh năm 1983

Địa chỉ: Xóm 30, Khang Giang, Y Đ, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt chị T, anh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Đặng Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Đình K vào ngày 04/11/2008, đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Đồng huyện Ý Yên tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh K hay ghen tuông, uống rượu rồi chửi bới, đánh đập chị. Chị và anh K đã ly thân và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ tháng 4 năm 2019 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng anh K được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

Về con chung: Chị và anh K có 02 con chung là cháu Nguyễn Đình Q, sinh ngày 08/11/2009 và Nguyễn Đình L, sinh ngày 08/9/2014. Chị xin được nuôi dưỡng cháu L, chị đồng ý để cháu Nguyễn Đình Q cho anh K nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Nguyễn Đình K trình bày:

Anh kết hôn với chị Đặng Thị T vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Đồng. Vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh nghi ngờ chị T có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau. Anh và chị T đã ly thân và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ tháng 04/2019 đến nay. Nay chị T xin ly hôn anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Đình Q, sinh ngày 08/11/2009 và Nguyễn Đình L, sinh ngày 08/9/2014. Anh muốn được nuôi cháu L còn cháu Q muốn ở với ai là do nguyện vọng của cháu. Nếu cháu Q muốn ở với anh thì anh cũng nhất trí xin nuôi cả hai con chung, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong hôn nhân: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đặng Thị T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đình K, anh K hiện đang cư trú tại xóm 30 thôn Khang Giang, xã Yên Đ, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Đặng Thị T và anh Nguyễn Đình K được xác lập vào ngày 04/11/2008, đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Đồng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa anh chị thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách vợ chồng anh chị không hợp nhau, không có niềm tin ở nhau nên thường xảy ra đánh cãi chửi nhau. Anh chị đã ly thân và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ

tháng 04/2019 đến nay. Chị T làm đơn xin ly hôn anh K cũng đồng ý. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Đình Q, sinh ngày 08/11/2009 và Nguyễn Đình L, sinh ngày 08/9/2014. Chị T xin được nuôi dưỡng cháu L âm, chị đồng ý để cháu Nguyễn Đình Q cho anh K nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh K muốn được nuôi cháu L còn cháu Q cháu muốn ở với ai là do nguyện vọng của cháu. Nếu cháu Q muốn ở với anh thì anh cũng nhất trí xin nuôi cả hai con chung, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Tuy nhiên xét tình hình thực tế, hiện nay chị T đang làm việc tại Công ty TNHH một thành viên Phương Lan tại huyện Ý Yên, với công việc là công nhân may, theo giấy xác nhận thu nhập của đơn vị ngày 27/6/2019 chị T gửi cho tòa án thì mức lương thực nhận trong 03 tháng 3, 4, 5/2019 là 10.117.642 đồng. Anh K đang làm việc tại công ty TNHH dệt Sao Việt tại huyện Ý Yên, công việc là lái xe, theo bảng lương do đơn vị xác nhận mà anh K nộp cho tòa án thì thu nhập của anh K từ tháng 02/2018 đến tháng 05/2019 có mức thu nhập dao động từ 5,4 triệu đồng đến 7,1 triệu đồng/tháng.

Như vậy, anh chị đều có nghề nghiệp và có thu nhập ổn định, anh K có nguyện vọng nuôi cả hai con chung, chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đình L vì cháu L âm còn quách nhỏ. Để đảm bảo cuộc sống cho cả hai con, cũng là giảm bớt gánh nặng cho anh, chị. Hội đồng xét xử thấy nên giao mỗi người nuôi 01 con chung. Cháu L âm còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ hơn, hơn nữa công việc của chị T có mức lương ổn định, gần nhè và với mức thu nhập ổn định đó ở vùng nông thôn cũng đảm bảo cho chị đủ nuôi dưỡng một con nhỏ. Vì vậy nên giao cháu L âm cho chị T nuôi dưỡng, để cháu Nguyễn Đình Q cho anh K nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị T, anh K không đề nghị Tòa án quyết định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Đặng Thị T và anh Nguyễn Đình K.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đình Q, sinh ngày 08/11/2009 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Đình L, sinh ngày 08/9/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Đặng Thị T phải nộp là 300.000đ, đối trừ với số tiền 300.000đ đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2015/0001123, ngày 20/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị T, anh K được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh+Huyện: 02 bản;
- Chi cục Thi hành án dân sự: 01 bản;
- Các đương sự: 02 bản;
- UBND xã Yên Đồng: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu VP.

(Đã ký)

Vũ Văn Anh